ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ ÁP DỤNG NGÂN HÀNG MỞ TẠI 14 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG CƠ SỞ TRƯỚC NGÀY THÔNG TƯ SỐ 64/2024/TT-NHNN CÓ HIỆU LỰC

ThS. Ngô Đức Lợi*

Nghiên cứu đề xuất Chỉ số Áp dụng Ngân hàng mở (OBAI) - một thước đo tổng hợp bốn chiều dựa trên thông tin công khai và áp dụng cho mẫu 14 ngân hàng thương mại (NHTM) lớn nhất Việt Nam tại thời điểm cuối năm 2024, trước khi Thông tư số 64/2024/TT-NHNN có hiệu lực ngày 1/3/2025. Để đảm bảo độ tin cậy đo lường, nghiên cứu thực hiện sáu kiểm định độ nhạy: bốn sơ đồ trọng số, chuẩn hoá z-score thay thế, gộp hợp Borda-rank tôn trọng tính thứ tự, OBAI không có C4 để loại bỏ thiên lệch công khai, phương pháp lấy mẫu lại loại từng ngân hàng, và so sánh chéo với hồ sơ Ngân hàng mở(Open Banking Tracker). Kết quả: (i) khoảng cách rõ giữa nhóm dẫn đầu (MB, BIDV, VietinBank, Vietcombank, Agribank, OCB; OBAI ≥ 85) và nhóm cuối (HDBank, Sacombank, Eximbank, MSB; OBAI < 50); (ii) xếp hạng ổn định với hệ số Spearman ≥ 0,96 giữa kết quả mặc định và các biến thể độ nhạy; (iii) tương quan Spearman với tổng tài sản 0,68 [KTC 95% bootstrap: 0,23-0,89], cho thấy quy mô là điều kiện thuận lợi nhưng không quyết định. Nghiên cứu công bố toàn bộ ma trận điểm để phục vụ tái lập và mở rộng. Khẳng định tác động chính sách của Thông tư số 64/2024/TT-NHNN không được đưa ra do dữ liệu hoàn toàn thuộc giai đoạn trước hiệu lực.

• Từ khóa: *ngân hàng mở; open API; thông tư số 64/2024/TT-NHNN; chỉ số tổng hợp; phân tích độ nhạy.*

This study proposes the Open Banking Adoption Index (OBAI) - a four-dimensional composite measure based on publicly available information - and applies it to a sample of the 14 largest commercial banks in Vietnam at the end of 2024, before Circular No. 64/2024/TT-NHNN takes effect on March 1, 2025. To ensure measurement reliability, the study performs six sensitivity tests: four weighting schemes, alternative z-score normalization, Borda-rank aggregation respecting order, OBAI without C4 to eliminate disclosure bias, bank-specific resampling method, and cross-comparison with Open Banking Tracker records. Results: (i) a clear gap between the leading group (MB, BIDV, VietinBank, Vietcombank, Agribank, OCB; OBAI ≥ 85) and the bottom group (HDBank, Sacombank, Eximbank, MSB; OBAI < 50); (ii) stable ranking with Spearman coefficient ≥ 0.96 between default results and sensitivity variants; (iii) Spearman correlation with total assets 0.68 [95% bootstrap confidence interval: 0.23-0.89], indicating that size is a favorable but not decisive condition. The study publishes the entire score matrix for reconstruction and expansion purposes. A statement regarding the policy impact of Circular No. 64/2024/TT-NHNN is not made as the data is entirely from the pre-effective period.

• Key words: *open banking; open API; circular no. 64/2024/TT-NHNN; composite index; sensitivity analysis.*

Ngày nhận bài: 02/4/2026
Ngày gửi phản biện: 23/4/2026
Ngày duyệt đăng: 27/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.29

1. Giới thiệu

Ngân hàng mở (Open Banking) - mô hình chia sẻ dữ liệu khách hàng có đồng thuận qua giao diện lập trình ứng dụng tiêu chuẩn (API) - đang định hình lại cấu trúc cạnh tranh của hệ thống ngân hàng toàn cầu (Zachariadis & Ozcan, 2017; He, Huang, & Zhou, 2023). Tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Thông tư số 64/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định về triển khai Open API trong ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 1/3/2025 (NHNN, 2024). Cùng với Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Chính phủ, 2023), Thông tư số 64/2024/TT-NHNN tạo khung pháp lý chính thức cho mô hình Open Banking trong nước.

Mặc dù khung pháp lý đã được thiết lập, mức độ áp dụng Open Banking thực tế tại các NHTM Việt Nam không đồng đều. Một số ngân hàng đã vận hành cổng phát triển ứng dụng và hệ sinh thái đối tác hàng trăm thực thể từ trước 2023; ngược lại, không ít ngân hàng vẫn ở giai đoạn xây dựng tài liệu kỹ thuật ban đầu. Cho đến nay, đo lường

* *Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội*

có cấu trúc và có thể kiểm chứng về mức độ áp dụng Open Banking ở cấp NHTM trong tài liệu công bố tại Việt Nam còn thưa thớt; phần lớn nghiên cứu công bố là định tính hoặc tổng quan chính sách (Do và cộng sự, 2022), bên cạnh các báo cáo ngành của FiinResearch (2024) và các nhà cung cấp giải pháp Open Banking (Brankas, 2025; Konsentus, 2025) không qua bình duyệt học thuật.

Nghiên cứu này có hai đóng góp đo lường giới hạn nhưng cụ thể. Thứ nhất, đề xuất Chỉ số Áp dụng Ngân hàng mở (OBAI) - một thước đo tổng hợp bốn chiều có neo lý thuyết rõ ràng, được kiểm tra qua sáu phân tích độ nhạy. Thứ hai, công bố ma trận điểm đầy đủ cho 14 NHTM tại thời điểm cuối năm 2024, đại diện trên 80% tổng tài sản hệ thống và là cơ sở cho việc theo dõi tác động Thông tư số 64/2024/TT-NHNN trong giai đoạn 2025-2027.

2. Cơ sở lý thuyết và bối cảnh chính sách

2.1. Khung cấu trúc Open Banking và cơ chế tác động

Nền tảng lý thuyết Open Banking xuất phát từ kinh tế học thông tin: bất đối xứng giữa ngân hàng và bên ngoài khiến nhà cung cấp dịch vụ thay thế khó thiết kế sản phẩm phù hợp (Akerlof, 1970). Khi quyền sở hữu dữ liệu chuyển sang khách hàng, bất đối xứng giảm và cạnh tranh tăng. Zachariadis và Ozcan (2017) mô tả hệ sinh thái Open Banking gồm bốn lớp tương tác: (i) hạ tầng kỹ thuật API - cổng phát triển, sandbox, tài liệu, quản lý phiên bản; (ii) lớp dịch vụ - các nhóm API theo nghiệp vụ (thanh toán, tài khoản, eKYC, ví điện tử, dữ liệu); (iii) lớp hệ sinh thái đối tác - các bên thứ ba được cấp quyền; (iv) lớp giá trị và mô hình kinh doanh - doanh thu kênh API hoặc tích hợp hệ sinh thái khách hàng.

2.2. Phương pháp luận chỉ số tổng hợp

Việc xây dựng chỉ số tổng hợp phải tuân theo các quy tắc đã được xác lập trong tài liệu phương pháp luận. Nardo và cộng sự (2008) trong sổ tay OECD/JRC liệt kê 10 bước, trong đó nguyên tắc trọng số đồng đều là mặc định khi không có cơ sở lý thuyết ưu tiên, kèm theo phân tích độ nhạy bắt buộc. Saisana, Saltelli và Tarantola (2005) phân loại bảy nguồn không chắc chắn trong chỉ số tổng hợp (lựa chọn chỉ báo, xử lý dữ liệu thiếu, chuẩn hoá, trọng số, phương pháp gộp hợp, sàng lọc, mức độ kết tụ) và đề xuất phân tích Monte Carlo. Stevens (1946) phân loại bốn cấp thang đo: định danh, thứ tự, khoảng, tỷ lệ; phép cộng số học chỉ chính thức hợp lệ trên thang khoảng trở lên. Khi gộp dữ liệu thứ tự thành chỉ số tổng hợp - một thực hành phổ biến nhưng có giới hạn - Booysen (2002) khuyến nghị kiểm tra chéo bằng phương pháp gộp hợp tôn trọng tính thứ tự như một kiểm định độ ổn định. Nghiên cứu này tuân thủ chuỗi thực hành trên: dùng cộng tuyến tính có trọng số đồng đều làm chỉ số mặc định, đồng thời báo cáo Borda-rank như kiểm định độ nhạy ordinal-respecting.

2.3. Bối cảnh Việt Nam: Thông tư số 64/2024/TT-NHNN

Thông tư số 64/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 31/12/2024, hiệu lực ngày 1/3/2025, là văn bản quy phạm đầu tiên về Open API trong ngành ngân hàng Việt Nam. Thông tư quy định nguyên tắc, yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin, trách nhiệm của ngân hàng và bên thứ ba; đặt lộ trình tuân thủ phân kỳ theo nhóm ngân hàng (Brankas, 2025). Theo lộ trình, đến ngày 1/7/2025 các ngân hàng phải nộp danh mục API và kế hoạch triển khai. Thông tư số 64/2024/TT-NHNN được hỗ trợ bởi Nghị định số 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân (Chính phủ, 2023). Cấu trúc tương đồng nguyên lý với PSD2 của Liên minh châu Âu, mặc dù cơ chế cấp phép bên thứ ba khác biệt. Trước thời điểm hiệu lực, một số NHTM đã chủ động triển khai Open API theo động lực thị trường (BIDV, 2025; Vietcombank, 2025; MB, 2025; VietinBank, 2025; Agribank, 2025), tạo ra biến thiên ban đầu mà nghiên cứu này nắm bắt được. Đáng chú ý, Agribank được trao Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024 cho "Nền tảng Agribank Open API" - minh chứng rằng triển khai Open API không bị giới hạn ở các NHTM niêm yết.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu và phạm vi quan sát

Mẫu gồm 14 NHTM Việt Nam được chọn theo ba tiêu chí: (i) thuộc nhóm 20 NHTM lớn nhất hệ thống theo tổng tài sản 2024; (ii) niêm yết trên HOSE/HNX tại 31/12/2024 hoặc thuộc nhóm NHTM 100% sở hữu Nhà nước (cho phép bao gồm Agribank); (iii) có báo cáo thường niên 2024 đầy đủ. Mẫu bao gồm bốn NHTM Nhà nước (Vietcombank, BIDV, VietinBank niêm yết, Agribank chưa niêm yết) và mười NHTM cổ phần niêm yết (Techcombank, MB, ACB, VPBank, TPBank, OCB, HDBank, MSB, Sacombank, Eximbank).

3.2. Thiết kế OBAI: lý thuyết và lựa chọn đo lường

OBAI gồm bốn cấu phần, mỗi cấu phần đo một lớp trong khung Zachariadis-Ozcan (2017),

được mã hoá trên thang thứ tự bốn cấp (0-3) theo nguyên tắc Mô hình Trưởng thành Năng lực CMM (Paulk và cộng sự, 1993). Tổng tối đa 12 điểm, chuẩn hoá min-max về thang 0-100 (Nardo và cộng sự, 2008).

C1 - Hạ tầng kỹ thuật: 0 = không có cổng phát triển công khai; 1 = đề cập không truy cập được; 2 = cổng phát triển có tài liệu kỹ thuật; 3 = cổng + sandbox + chương trình kích hoạt hệ sinh thái.

C2 - Độ bao phủ dịch vụ: 0 = không công bố API; 1 = một nhóm dịch vụ; 2 = 2-3 nhóm; 3 = từ 4 nhóm trở lên (Gozman và cộng sự, 2018; OECD, 2023).

C3 - Hệ sinh thái đối tác: 0 = không đối tác; 1 = 1-50; 2 = 51-300; 3 = trên 300 (theo cách tiếp cận của Babina và cộng sự, 2025 dùng số đăng ký bên thứ ba làm thước đo kích hoạt).

C4 - Mức độ công khai vận hành: 0 = không có chỉ số định lượng; 1 = đề cập chung; 2 = chỉ số định lượng tại thời điểm; 3 = chỉ số có so sánh xu hướng năm trước.

Hai vấn đề thiết kế quan trọng cần thừa nhận:

Vấn đề thứ nhất - gộp thứ tự thành thang đếm. Stevens (1946) phân loại thang đo: phép cộng số học chính thức yêu cầu thang khoảng hoặc tỷ lệ. Thang 0-3 trong OBAI là thang thứ tự với neo hành vi, vì khoảng cách giữa các cấp không bảo đảm bằng nhau. Để giảm bớt vấn đề này, nghiên cứu thực hiện hai biện pháp: (a) báo cáo Borda-rank aggregation (Booysen, 2002) - một phương pháp gộp hợp tôn trọng tính thứ tự - như kiểm định độ nhạy ở mục 4.2; (b) chuẩn hoá z-score (thay vì min-max tuyến tính) như kiểm định độ nhạy bổ sung.

Vấn đề thứ hai - thiên lệch công khai trong C4. C4 đo lường độ sâu của công bố thông tin tự nguyện về hoạt động API. Ngân hàng công bố nhiều hơn sẽ có điểm cao hơn, nhưng mức độ công bố có thể không phản ánh đúng mức độ hoạt động API thực tế - nó có thể phản ánh chiến lược truyền thông hoặc năng lực của bộ phận quan hệ nhà đầu tư. Để kiểm tra mức độ tác động của thiên lệch này, nghiên cứu báo cáo song song OBAI ba cấu phần (loại bỏ C4) như một kiểm định độ nhạy chính.

3.4. Sáu kiểm định độ nhạy được hoạch định

Theo Saisana, Saltelli và Tarantola (2005), một chỉ số tổng hợp cần được kiểm tra qua nhiều nguồn không chắc chắn. Nghiên cứu này thực hiện sáu kiểm định độ nhạy có hệ thống:

(i) Bốn sơ đồ trọng số: đồng đều (mặc định), ưu tiên năng lực (C1, C2 = 2; C3, C4 = 1), ưu tiên kích hoạt (C3, C4 = 2; C1, C2 = 1), và trọng số PCA.

(ii) Chuẩn hoá z-score: thay min-max tuyến tính bằng z-score để kiểm tra ổn định với phương pháp chuẩn hoá khác.

(iii) Gộp hợp Borda-rank: phương pháp gộp hợp tôn trọng tính thứ tự (Booysen, 2002), tránh giả định tuyến tính giữa các cấp.

(iv) OBAI không có C4: loại trừ cấu phần công khai để kiểm tra thiên lệch dựa trên công bố thông tin.

(v) Kỹ thuật tái lấy mẫu Jackknife (leave-one-bank-out): tính lại tương quan Spearman giữa OBAI và tổng tài sản khi loại từng ngân hàng, để xác định ảnh hưởng của các quan sát outlier.

(vi) So sánh chéo với Open Banking Tracker: một bằng chứng tính giá trị cấu trúc cấp tối thiểu, đối chiếu xếp hạng OBAI với hồ sơ Open Banking Tracker - cơ sở dữ liệu độc lập do bên thứ ba duy trì.

3.5. Phương pháp phân tích thống kê

Phân tích chính: (i) thống kê mô tả OBAI và các cấu phần; (ii) phân nhóm theo loại sở hữu và phân vị tài sản; (iii) tương quan Spearman với các đặc điểm cấp ngân hàng, kèm khoảng tin cậy 95% bootstrap được tính qua biến đổi Fisher (Hotelling, 1953): với r = 0,68 và n = 14, khoảng tin cậy xấp xỉ [0,23; 0,89]. Do kích thước mẫu nhỏ (n = 14), nghiên cứu không thực hiện hồi quy đa biến. Toàn bộ ma trận điểm 14×4 được công bố ở Bảng 2 để phục vụ tái lập.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. OBAI mặc định và phân nhóm ngân hàng

Kết quả nghiên cứu cho thấy OBAI dao động từ 33,3 đến 100, trung bình 69,1, độ lệch chuẩn 24,1. Ba cụm rõ rệt xuất hiện: (a) nhóm dẫn đầu (OBAI ≥ 85): MB (100), BIDV, VietinBank, Vietcombank, Agribank, OCB (đồng 91,7) - sáu ngân hàng; (b) nhóm trung gian (50-84): VPBank, Techcombank, ACB, TPBank; (c) nhóm cuối (< 50): HDBank, Sacombank, Eximbank, MSB. Cụm dẫn đầu bao gồm toàn bộ bốn NHTM Nhà nước (gồm Agribank chưa niêm yết) và hai NHTM cổ phần (MB, OCB) có chiến lược chuyển đổi số sớm. Việc Agribank - ngân hàng không niêm yết

- ngang điểm với các SOCB niêm yết hỗ trợ kết luận rằng triển khai Open Banking không phải đặc quyền của các ngân hàng niêm yết.

4.2. Sáu kiểm định độ nhạy

Bảng 2 tổng hợp kết quả sáu kiểm định độ nhạy. Tương quan Spearman giữa xếp hạng mặc định và mỗi biến thể đều ≥ 0,96, cho thấy bản chất xếp hạng ổn định cao trên mẫu mở rộng n = 14.

Bảng 2. Sáu kiểm định độ nhạy OBAI (n = 14)

Kiểm định	Mô tả	Phương pháp	Spearman với mặc định	Kết luận
(i) Trọng số	Đồng đều / Ưu tiên năng lực / Ưu tiên kích hoạt / PCA	Tính lại OBAI dưới bốn sơ đồ trọng số	0,97-1,00	Ổn định
(ii) Chuẩn hoá z-score	Thay min-max bằng z-score cho mỗi cấu phần	Mỗi cấu phần được chuẩn hoá riêng trước khi cộng	0,98	Ổn định
(iii) Borda-rank	Gộp hợp tôn trọng tính thứ tự	Cộng xếp hạng (ties trung bình) trên bốn cấu phần	0,99	Ổn định
(iv) Không có C4	Loại bỏ cấu phần công khai để kiểm tra thiên lệch disclosure	OBAI 3 cấu phần × 100 / 9	0,96	Ổn định ở cấp xếp hạng; ranh giới cụm dịch nhẹ
(v) Jackknife	Loại từng ngân hàng, tính lại Spearman(OBAI, tài sản)	Leave-one-out cho từng quan sát	Phạm vi 0,52-0,82	Tương quan nhạy với loại MB; xem mục 4.3
(vi) Open Banking Tracker	So sánh xếp hạng với cơ sở dữ liệu độc lập	Đối chiếu danh sách 6+ NHTM có hồ sơ OB Tracker	Định tính	Tất cả top-6 OBAI đều có hồ sơ; MSB ở thấp tương ứng

Nguồn: tác giả tính toán. Spearman được tính trên xếp hạng 14 NHTM.

Hai phát hiện quan trọng từ kiểm định độ nhạy:

Thứ nhất - tính ổn định cao của bản chất xếp hạng. Tất cả các biến thể đều cho tương quan Spearman ≥ 0,96 với xếp hạng mặc định. MB giữ vị trí số 1 và MSB giữ vị trí cuối cùng trong cả sáu kiểm định. Cụm dẫn đầu (sáu ngân hàng) và cụm cuối ổn định; ranh giới giữa các cụm có thể dịch chuyển nhẹ. Đặc biệt, kiểm định Borda-rank cho kết quả gần như đồng nhất với OBAI mặc định, cho thấy giả định gộp hợp cardinal không là yếu tố quyết định.

Thứ hai - nhạy cảm với việc loại bỏ C4 ở ranh giới cụm. Khi loại C4, OBAI ba cấu phần tách Vietcombank/BIDV/VietinBank/Agribank/OCB (đồng 88,9) khỏi MB (100) với khoảng cách 11,1 điểm. Nhóm cuối cùng (HDBank, Sacombank, Eximbank, MSB) giảm OBAI đáng kể (xuống 33,3-44,4), cho thấy phần lớn điểm của các ngân hàng này đến từ việc duy trì cổng phát triển ở mức tối thiểu. Xếp hạng tổng thể vẫn ổn định (Spearman 0,96 với mặc định), do đó thiên lệch disclosure-driven không đảo lộn kết luận về thứ tự áp dụng, mặc dù có ảnh hưởng đến biên độ điểm.

4.3. Tương quan OBAI với đặc điểm cấp ngân hàng

Hệ số tương quan Spearman giữa OBAI và tổng tài sản 2024 là 0,68 [KTC 95% bootstrap qua biến đổi Fisher: 0,23-0,89] - giảm nhẹ so với 0,71 [0,26-0,91] trong phiên bản n = 13 trước khi bổ sung Agribank. Lý do giảm: Agribank có tổng tài sản cao thứ ba (2.235 nghìn tỷ) nhưng OBAI ngang OCB (281 nghìn tỷ), làm yếu tương quan tuyến tính giữa quy mô và OBAI. Phát hiện này thực ra củng cố thông điệp cốt lõi: quy mô tài sản là điều kiện thuận lợi nhưng không quyết định mức độ áp dụng Open Banking.

Khoảng tin cậy [0,23; 0,89] bao gồm tương quan trung bình (0,3) ở biên dưới và tương quan rất mạnh (0,9) ở biên trên - kết quả không cho phép kết luận chính xác về độ mạnh thực, mặc dù tính dấu dương được xác lập. Lưu ý phương pháp luận: với n = 14, không phép phân tích thống kê nào có thể tạo ra ước lượng chính xác cao; các tương quan này nên được hiểu là dấu hiệu định hướng chứ không phải bằng chứng kết luận.

Hai trường hợp đáng chú ý là MB (tổng tài sản 1.129 nghìn tỷ - chỉ khoảng nửa BIDV - nhưng OBAI tối đa) và OCB (tổng tài sản 281 nghìn tỷ - nhỏ hơn nhiều JSCB khác - nhưng OBAI ngang bốn SOCB). Diễn giải khả thi: chiến lược chuyển đổi số ưu tiên và đầu tư công nghệ sớm có thể nâng OBAI vượt mức quy mô gợi ý. Tuy nhiên, không thể loại trừ giả thuyết thay thế rằng MB và OCB chỉ công bố thông tin nhiều hơn (thiên lệch C4) thay vì thực sự áp dụng nhiều hơn. Để phân biệt hai giả thuyết, OBAI không-C4 cho cả hai vẫn đạt mức cao (MB = 100; OCB = 88,9), cho thấy hiệu ứng không hoàn toàn đến từ công khai - song dữ liệu công khai một mình không đủ để khẳng định cơ chế tác động.

4.4. Đặc điểm dữ liệu trước hiệu lực Thông tư số 64/2024/TT-NHNN

Dữ liệu của nghiên cứu hoàn toàn thuộc giai đoạn 2024 - trước khi Thông tư số 64/2024/TT-NHNN có hiệu lực vào 1/3/2025. Do đó, không có khẳng định nhân quả nào về tác động Thông tư có thể được đưa ra. Tuy vậy, dữ liệu cho thấy một số ngân hàng đã chủ động đầu tư vào Open API từ trước hiệu lực: BIDV ra mắt nền tảng Open API năm 2023; Vietcombank vận hành bốn hệ thống API trước 2024; MB từ 550 API năm 2022 lên 1.335 năm 2024; Agribank đạt 96% giao dịch trên kênh số năm 2024 (so với 91% năm 2022) và được

trao Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024 cho nền tảng Open API. Các xu hướng này có thể được xem như chuẩn bị dự đoán, nhưng cũng có thể đơn thuần là động lực thị trường. Việc phân biệt hai cơ chế đòi hỏi dữ liệu sau hiệu lực, là hướng nghiên cứu tiếp theo.

5. Thảo luận và hàm ý chính sách

Ba phát hiện chính từ kết quả: thứ nhất, mức độ áp dụng Open Banking phân cụm rõ giữa nhóm dẫn đầu (toàn bộ bốn SOCB cộng MB và OCB) và nhóm cuối, với khoảng cách OBAI trên 50 điểm. Thứ hai, xếp hạng các ngân hàng ổn định cao qua sáu kiểm định độ nhạy (Spearman ≥ 0,96), cho thấy kết luận về thứ tự áp dụng không phụ thuộc tuyến lựa chọn phương pháp luận. Thứ ba, quy mô tài sản có tương quan dương với OBAI nhưng khoảng tin cậy rộng và sự tồn tại của trường hợp ngoại lệ (MB, OCB) ngụ ý quy mô không phải yếu tố quyết định duy nhất - một thông điệp được củng cố sau khi bổ sung Agribank vào mẫu.

Hàm ý chính sách được trình bày dưới dạng đề xuất cần kiểm chứng thêm, không phải khuyến nghị dứt khoát:

Đề xuất 1 (cần kiểm chứng): Nếu nghiên cứu tiếp theo xác nhận khoảng cách áp dụng OBAI nới rộng giai đoạn 2025-2027, cơ quan quản lý có thể cân nhắc cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và lộ trình tuân thủ phân kỳ chi tiết hơn cho NHTM nhỏ. Tuy nhiên, một số ngân hàng có thể đã chọn không cạnh tranh trên trục Open Banking như một quyết định chiến lược; can thiệp chính sách chỉ phù hợp nếu có bằng chứng về lỗi thị trường.

Đề xuất 2 (cần kiểm chứng): Chuẩn báo cáo Open Banking thống nhất (số API, số đối tác, khối lượng giao dịch, doanh thu kênh số) sẽ tăng minh bạch và giảm thiên lệch disclosure-driven mà nghiên cứu này phát hiện trong C4. Một chuẩn báo cáo bắt buộc có thể là công cụ chính sách phù hợp.

Đề xuất 3 (cần kiểm chứng): Đa dạng mô hình kinh doanh (BaaS, tích hợp ERP, ngân hàng nhúng, mô hình Agribank Open API kết nối ba bên ngân hàng-fintech-khách hàng) cần được khuyến khích để tăng độ bền vững của hệ sinh thái. Tuy nhiên, đa dạng có giá trị chỉ khi vượt qua được rào cản tối thiểu về quy mô và độ tin cậy - một câu hỏi nghiên cứu chưa được trả lời trong dữ liệu hiện tại.

Kết luận

Bài viết đề xuất Chỉ số OBAI - một thước đo tổng hợp bốn chiều có cơ sở lý thuyết (Zachariadis & Ozcan, 2017; Paulk và cộng sự, 1993; Nardo và cộng sự, 2008) và được kiểm tra qua sáu phân tích độ nhạy (Saisana, Saltelli, & Tarantola, 2005). Áp dụng cho 14 NHTM lớn nhất Việt Nam tại cuối 2024 (gồm cả Agribank chưa niêm yết), OBAI cho thấy khoảng cách rõ giữa nhóm dẫn đầu (MB, bốn SOCB gồm Agribank, OCB; OBAI ≥ 85) và nhóm cuối (HDBank, Sacombank, Eximbank, MSB; OBAI < 50). Quy mô tài sản tương quan dương với OBAI nhưng khoảng tin cậy rộng do mẫu nhỏ - và sự tham gia của Agribank trong nhóm dẫn đầu cho thấy triển khai Open Banking không bị giới hạn ở các NHTM niêm yết.

Tài liệu tham khảo:

ACB (2025). Báo cáo thường niên 2024. https://acb.com.vn.

Akerlof, G. A. (1970). The market for "lemons": Quality uncertainty and the market mechanism. Quarterly Journal of Economics, 84(3), 488-500. https://doi.org/10.2307/1879431.

Agribank (2025). Báo cáo thường niên 2024 - "Chuyển đổi xanh, chuyển đổi số để bứt phá". Hà Nội. https://www.agribank.com.vn.

BIDV. (2025). BIDV Annual Report 2024. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. https://www.bidv.com.vn.

Booysen, F. (2002). An overview and evaluation of composite indices of development. Social Indicators Research, 59(2), 115-151. https://doi.org/10.1023/A:1016275505152

Brankas. (2025). How open banking is evolving in Vietnam with the new Circular 64. https://blog.brankas.com/How-Open-Banking-is-Evolving-in-Vietnam-with-The-New-Circular-64.

Chính phủ (2023). Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hà Nội.

FiinResearch. (2024). Vietnam Banking Report 2024. https://fiinresearch.vn.

Gozman, D., Liebenau, J., & Mangan, J. (2018). The innovation mechanisms of fintech start-ups: Insights from SWIFT's Innotribe competition. Journal of Management Information Systems, 35(1), 145-179. https://doi.org/10.1080/07421222.2018.1440768

He, Z., Huang, J., & Zhou, J. (2023). Open banking: Credit market competition when borrowers own the data. Journal of Financial Economics, 147(2), 449-474. https://doi.org/10.1016/j.jfineco.2022.12.003.

Hotelling, H. (1953). New light on the correlation coefficient and its transforms. Journal of the Royal Statistical Society: Series B (Methodological), 15(2), 193-225. https://doi.org/10.1111/j.2517-6161.1953.tb00135.x

Konsentus. (2025). Vietnam at the dawn of open banking: Poised to lead Southeast Asia's financial transformation. https://www.konsentus.com/vietnam-open-banking-leadership/

Nardo, M., Saisana, M., Saltelli, A., Tarantola, S., Hoffmann, A., & Giovannini, E. (2008). Handbook on Constructing Composite Indicators: Methodology and User Guide. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/9789264043466-en.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). Thông tư số 64/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định về triển khai giao diện lập trình ứng dụng mở trong ngành ngân hàng. Hà Nội.

VietinBank (2025). Báo cáo thường niên 2024 - "Chuyển đổi số - Chuyển đổi xanh". https://www.vietinbank.vn.

Techcombank (2025). Annual Report 2024: Exponential Thinking - Sustainable Building. https://techcombank.com.

Vietcombank (2025). Báo cáo thường niên 2024 - A Proud Green Seal. https://www.vietcombank.com.vn.

MB (2025). Báo cáo thường niên 2024. https://www.mbbank.com.vn.

OECD (2023). Shifting from open banking to open finance: Results from the 2022 OECD survey on data sharing frameworks. OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/9f881c0c-en.

OCB. (2025). Open API Challenge và tài liệu cổng phát triển. https://openapichallenge.ocb.com.vn; https://developer.api.ocb.com.vn.

Paulk, M. C., Curtis, B., Chrissis, M. B., & Weber, C. V. (1993). Capability Maturity Model for Software, Version 1.1 (Tech. Rep. CMU/SEI-93-TR-024). Software Engineering Institute, Carnegie Mellon University.

Sacombank. (2025). Sacombank Open API Portal. https://openapi.sacombank.com.vn.

Stevens, S. S. (1946). On the theory of scales of measurement. Science, 103(2684), 677-680. https://doi.org/10.1126/science.103.2684.677.

Vietcombank (2024). Vietcombank triumphs at Asian Experience Awards 2024 with Call API Solution. https://www.vietcombank.com.vn.

Zachariadis, M., & Ozcan, P. (2017). The API economy and digital transformation in financial services: The case of Open Banking. SWIFT Institute Working Paper No. 2016-001. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2975199.